

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/DS-ST
Ngày: 22-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự (tín dụng)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2/ Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Y.

Địa chỉ: Đường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc

Ông H ủy quyền lại cho ông Lê Hoàng P, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2017).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1978

HKTT: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/10/2015, ngân hàng có cho bà T vay 50.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình theo hợp đồng tín dụng số 5504LAV201506016. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm. Thời hạn vay: 36 tháng. Hình thức cho vay tín chấp trừ lương.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 09/6/2016, bà T thanh toán được 9.730.000 đồng tiền gốc và 2.461.116 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn lại là 40.270.000 đồng, bà T chưa thanh toán cho ngân hàng. Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán 40.270.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính tiền lãi.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Thu T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để làm việc nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho bà T biết việc Ngân hàng Y khởi kiện. Tuy nhiên, bà T vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2017, Ngân hàng Y khởi kiện bà Lê Thị Thu T yêu cầu thanh toán số tiền 40.270.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng số 5504LAV201506016 ngày 09/10/2015 được ký kết giữa Ngân hàng Y và

bà T. Do đó, quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Y và bà T là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị Thu T có nơi cư trú tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Bình Dương. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Biên bản xác minh ngày 09/5/2017, bà T có địa chỉ thường trú tại địa phương nhưng đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống, không rõ địa chỉ hiện nay ở đâu nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng Y cung cấp chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 5504LAV201506016 ngày 09/10/2015 có chữ ký xác nhận của bà T. Mặc dù khoản vay của bà T chưa hết hạn thanh toán nhưng theo khoản 5.1 tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng thì bà T phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo kỳ hạn vào các ngày 09 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi không trả nợ gốc và tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 5.1 Điều 5 hợp đồng tín dụng thể hiện Bên A (ngân hàng) có quyền: “chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán trước thời hạn là phù hợp.

[4] Theo hợp đồng tín dụng số 5504LAV201506016 ngày 09/10/2015 thì Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 50.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán được 9.730.000 đồng. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền gốc là 40.270.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác để bà T biết về việc khởi kiện của Ngân hàng, để bà T thực hiện các quyền của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thế nhưng bà T không trực tiếp tham gia tố tụng. Điều này cho thấy bị đơn cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ của mình, đồng thời từ chối các quyền tố tụng mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Như vậy, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị chứng minh. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền gốc là 40.270.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Ngân hàng Y không yêu cầu về tiền lãi đối với bà T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)” của Ngân hàng Y đối với bà Lê Thị Thu T.

Buộc bà Lê Thị Thu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Y 40.270.000 đồng (bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Thu T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 5504LAV201506016 ngày 09/10/2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Thu T phải chịu 2.013.500 đồng (hai triệu không trăm mười ba ngàn năm trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Ngân hàng Y 1.006.750 đồng (một triệu không trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005126 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2017). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện DT;
- CCTHA DS huyện DT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh